

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

2. Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hữu H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Phùng Thị Kiều L, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ với nguyên đơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, bằng tường trình ngày 14/6/2021 nguyên đơn anh Phạm Hữu H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999, anh và chị L quen nhau sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chỉ sống hạnh phúc trong thời gian ngắn, năm 2000 phát sinh mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống, thường hay cãi vã. Khoảng 08 năm nay anh H ra ngoài thuê nhà trọ sống, ban đầu anh sống với người phụ nữ khác nhưng hiện nay chỉ sống một mình, kể từ đây giữa anh và chị L mỗi

người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau, anh xác định không còn tình cảm với chị L, nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 2000, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Anh H trình bày anh và chị L không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng anh, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn chị Phùng Thị Kiều L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn xác định vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ năm 2001 đến nay, mâu thuẫn chính giữa anh với chị L là do lỗi của anh, cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị L không còn tình cảm, gia đình hai bên đã khuyên ngăn, giải hòa nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn 08 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Việc anh yêu cầu ly hôn với chị L con anh, chị là Phạm Thị Ngọc H1 biết, không phản đối và H1 có cho chị L hay nên chị L biết anh khởi kiện xin ly hôn. Nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Hữu H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Phùng Thị Kiều L, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh H, bị đơn chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H và chị L đều không đến tham dự các phiên họp này nên Tòa án lập Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ không được, Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng ngày 25/10/2021 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cụ thể: Phiên tòa lần thứ nhất ngày 17/11/2021, phiên tòa lần thứ hai ngày 03/12/2021 nhưng đều vắng mặt, không lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị L tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Bản sao trích lục kết hôn số 117/TLKH-BS ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh H trình bày: Anh và chị L chỉ hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2001 đến nay phát sinh mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống, thường hay cãi vã. Xét thấy, thời gian anh H, chị L sống ly thân rất lâu (khoảng 08 năm) nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Hiện nay mỗi người tiếp tục có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo như nêu trên nhưng chị không có bất cứ phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện của anh H, cho thấy chị không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn với chị L, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H xử cho anh H và chị L ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H trình bày: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 2000, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh H trình bày: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh H trình bày: Anh và chị L không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng anh, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh Phạm Hữu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000251 ngày 19/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Hữu H với chị Phùng Thị Kiều L.
2. Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 2000, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Anh H trình bày: Vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Anh H trình bày: Anh và chị L không có nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng anh, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm:

Anh Phạm Hữu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000251 ngày 19/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND Phường A;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND xã Bình Hòa Phước;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 19 tháng 02 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án NH1 dân thành phố Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm NH1 dân: Bà Võ Thị Bích Ngọc và Bà Dương Thị Phụng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, giữa:

- **Nguyên đơn:** anh Phạm Hoàng Nam, sinh năm 1994. Địa chỉ: A27/7, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh Hương – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy – HG, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang.

- **Bị đơn:** chị Phan Thị Bích Trâm, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ với nguyên đơn.

Địa chỉ liên lạc: ấp Cái Tranh, xã Mỹ Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến 3/3. Tỷ lệ: 100%, như sau:

1. Về tố tụng:

Căn cứ Điều 51 của Luật Hôn NH1 và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định:

- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.
- Thẩm quyền giải quyết: Thuộc Tòa án NH1 dân thành phố Vĩnh Long.
- Địa vị pháp lý đương sự: nguyên đơn anh Phạm Hoàng Nam.
- Bị đơn Phan Thị Bích Trâm.

-Đối với nguyên đơn Phạm Hoàng Nam có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Áp dụng các Điều 51, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nH1 và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

5.1. Về quan hệ hôn nH1: xử cho ly hôn giữa anh Phạm Hoàng Nam với chị Phan Thị Bích Trâm.

5.2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Hoàng Thiện NH1, sinh ngày 15/02/2015 cho anh Phạm Hoàng Nam tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc anh Phạm Hoàng Nam giao cháu Phạm Hoàng Minh Hiếu, sinh ngày 10/7/2016 cho chị Phan Thị Bích Trâm nuôi dưỡng.

Anh Phạm Hoàng Nam và chị Phan Thị Bích Trâm không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hoàng Nam và chị Phan Thị Bích Trâm được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

5.3. Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Hoàng Nam phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0005610 ngày 10/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Anh Nam đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 19-02-2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA